

# Nghiên cứu Động lực học tập của sinh viên tại Trường Đại học Duy Tân

Trương Hoàng Hoa Duyên

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh Tế- Trường Đại học Duy Tân

Received: 30/10/2024; Accepted: 4/11/2024; Published: 8/11/2024

**Abstract:** Learning outcomes are the factors that most visually reflect what students achieve throughout their learning process. Some researchers believe that motivation is the only factor that directly affects the academic success of students, and that all other factors ultimately impact academic success. Therefore, the author researched the topic “Student learning motivation - research on students studying at Duy Tan University”. For the purpose of synthesizing factors affecting learning motivation, briefly review the. For the purpose of synthesizing factors affecting learning motivation, reviewing related research, and proposing a research model. Finally, the purpose of the research is to evaluate the impact of each factor on learning motivation along with management implications that contribute to improving learning motivation for current and future students attending at Duy tân university.

**Keyword:** Motivation; student; University; Header

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, việc xác định Động lực học tập (ĐCHT) và mối liên hệ giữa ĐCHT và kết quả học tập của người học đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam bởi vì nó được xem là một “chìa khóa vàng” để giúp các nhà giáo dục tiếp cận và khám phá năng lực tiềm tàng của người học. Tại sao các trường đại học ngày nay thường quan tâm đến hai yếu tố (1) sự hài lòng và (2) kết quả học tập của sinh viên (SV) trong quá trình giáo dục đại học? Mỗi quan tâm này xuất phát từ một số nghiên cứu gần đây, khi các tác giả xem xét sự hài lòng cũng như kết quả học tập là hai yếu tố cơ bản trong việc đánh giá chất lượng đào tạo của một trường đại học, cụ thể: Sự hài lòng của SV là một trong các chỉ số giúp các trường đại học đo lường mức độ nhu cầu của SV. Ngoài ra, sự hài lòng của SV còn được xem xét trong đánh giá hiệu quả đào tạo, cũng như xem xét sự thành công hay sinh tồn của các trường. Điều này giúp các trường có cơ hội điều chỉnh để ngày càng tạo ra mức độ hài lòng cao hơn cho những đối tượng mà họ phục vụ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành qua 2 giai đoạn chính:

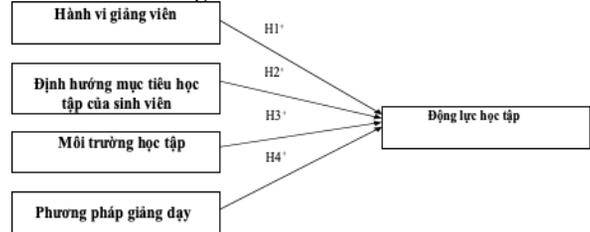
1. **Nghiên cứu định tính:** Mục đích: xem xét sự phù hợp của các thang đo được đề cập. Kết quả của nghiên cứu: điều chỉ thang và hình thành bảng câu hỏi khảo sát.

2. **Nghiên cứu định lượng:** Nghiên cứu chính thức

được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, với công cụ là bảng câu hỏi chi tiết. Mẫu được chọn là các SV chính quy đang theo học tại Đại học Duy Tân. Dữ liệu sẽ được xử lý với phần mềm SPSS 26.0.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

### 2.2.1. Mô hình nghiên cứu



Hình 2.1: Mô hình nghiên cứu

## 2.2. Phân tích kết quả nghiên cứu

### - Hệ số cronbach'alpha

Bảng 2.1: Kết quả phân tích hệ số cronbach'alpha

TT	Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Giảng viên	7	0.934
2	Định hướng học tập	6	0.788
3	Môi trường học tập	3	0.803
4	Phương pháp giảng dạy	7	0.805
5	Động lực học tập	4	0.845

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy Cronbach's Alpha trên SPSS

Hệ số cronbach'alpha đều phù hợp nên kết quả phân tích cronbach'alpha các biến quan sát đều được giữ lại để tiến hành đi phân tích EFA.

- Phân tích EFA:

Trong ma trận xoay nhân tố, trình bày các nhân tố được rút trích với các biến quan sát và hệ số tải nhân tố tương ứng (chỉ thể hiện hệ số tải >0.3). Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải > 0.5, như vậy các biến quan sát đều đo lường được khái niệm chúng ta cần đo lường (bảng 2.2)

Bảng 2.2: Kết quả ma trận xoay

Biến quan sát	Component			
	1	2	3	4
GV4	,732			
GV7	,752			
GV5	,745			
MT1	,678			
GV1	,657			
GV2	,589			
DHHT6		,772		
DHHT4		,759		
DHHT3		,757		
DHHT2		,690		
DHHT1		,678		
PPDH2			,788	
PPDH1			,738	
PPDH3			,677	
MT2			,575	
MT3			,556	
PPDH5				,841
PPDH6				,745
PPDH7				,687

Biến quan sát PPDH1, PPDH2, PPDH3 hội tụ về cùng với nhóm nhân tố thứ 3 cùng với (MT1, MT2), như vậy có thể nói các đối tượng trong mẫu khảo sát cho rằng “việc sử dụng phương pháp học tập” cũng phụ thuộc nhiều vào điều kiện học tập, và PPDH4 bị loại khỏi mô hình nghiên cứu.

Biến MT1 hội tụ vào nhóm biến (GV1, GV2, GV4, GV5, GV7), hai biến GV3 bị loại trong lần chạy 2, GV6 bị loại trong lần chạy thứ 4.

Bảng 2.3. Tổng hợp kết quả phân tích EFA biến phụ thuộc

Component	Total Variance Explained					
	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2,888	78,554	78,554	2,938	73,454	73,454
2	,451	11,287	84,741			
3	,344	8,604	93,345			
4	,266	6,655	100,000			

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy phân tích EFA trên SPSS

Tương tự các biến độc lập, kiểm định KMO và Bartlett trong phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc

“động lực học tập” cho thấy hệ số KMO = 0.897 (>0.5) và giá trị sig trong thống kê Chi-square là 0.000. Điều này cho thấy dữ liệu là phù hợp để tiến hành phân tích.

Có một nhân tố được rút trích ra từ phân tích EFA cho biến động lực học tập, điều này là phù hợp với lý thuyết và thang đo ban đầu. Phương sai trích đạt 78.554% > 50%, giá trị Eigenvalue = 2.888 > 1, đạt yêu cầu. Các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố > 0.5, phù hợp.

-Phân tích tương quan, hồi quy

+ Phân tích tương quan

Kết quả nghiên cứu thấy có sự tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc (sig < 0.05). Trong đó biến DHHT -“định hướng học tập X2”, biến MT -“môi trường X3” có sự tương quan cao nhất với biến phụ thuộc DLH -“động lực học tập” (0.724), (0.761). Ngoài ra các biến độc lập đều có tương quan đáng kể với nhau, cụ thể giữa biến MT(X3) và GV (X1) có tương quan tương đối cao là 0.757, Biến PPDH (X4) có tương quan đáng kể với biến MT(X3) 0.681.

Bảng 2.4: Kết quả phân tích tương quan

		Correlations				
		HL	X1	X2	X3	X4
HL	Pearson Correlation	1	,703**	,724**	,761**	,633**
	Sig. (2-tailed)		,000	,000	,000	,000
	N	280	280	280	280	280
X1	Pearson Correlation	,703**	1	,655**	,757**	,638**
	Sig. (2-tailed)	,000		,000	,000	,000
	N	280	280	280	280	280
X2	Pearson Correlation	,724**	,655**	1	,677**	,635**
	Sig. (2-tailed)	,000	,000		,000	,000
	N	280	280	280	280	280
X3	Pearson Correlation	,761**	,757**	,677**	1	,681**
	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,000		,000
	N	280	280	280	280	280
X4	Pearson Correlation	,633**	,638**	,635**	,681**	1
	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,000	,000	
	N	280	280	280	280	280

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy phân tích hồi quy trên SPSS

+ Phân tích hồi quy

Các biến độc lập (GV, DHHT, MTHT, PPDH) và biến phụ thuộc (DLH) được đưa vào mô hình để kiểm định giả thuyết bằng phương pháp Enter (đồng thời), vì giả thuyết đưa ra là các yếu tố hành vi giảng viên, định hướng mục tiêu học tập của SV, môi trường học tập và phương pháp giảng dạy tác động cùng chiều vào động lực học tập của SV.

Bảng 2.5. Kết quả phân tích hồi quy

Model B		Coefficients <sup>a</sup>			t	Sig. Tolerance	Collinearity Statistics	
		Unstandardized Coefficients	Standardized Coefficients				VIF	
		Std. Error	Beta					
1	(Constant)	,295	,149		1,986	,048		
	X1	,174	,057	,170	3,040	,003	,577	1,651
	X2	,323	,051	,318	6,282	,000	,559	1,179
	X3	,364	,059	,368	6,218	,000	,537	1,970
	X4	,059	,041	,072	1,424	,004	,566	1,147

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy phân tích hồi qui trên SPSS

Kết quả chạy hồi qui cho thấy hệ số xác định  $R^2 = 0.676 (\neq 0)$ .  $R^2$  có khuynh hướng là ước lượng lạc quan cho thước đo sự phù hợp của mô hình đối với dữ liệu trong trường hợp có hơn 1 biến giải thích trong mô hình. Ở đây chúng ta sử dụng hệ Số xác định  $Radj^2 = 0.44974$  để giải thích sự phù hợp của mô hình sẽ an toàn và chính xác hơn. Ở bảng ANOVA (Bảng 4.16), kiểm định F cho thấy mức ý nghĩa  $sig=0.000 < 0.05$ . Như vậy, mô hình hồi qui là phù hợp, các biến độc lập trong mô hình giải thích được gần 70% phương sai của biến động lực học tập. Còn lại 30% là do sự tác động của các yếu tố khác không được đưa vào mô hình.

Xét bảng 5, trọng số hồi qui cho thấy các biến GV(X1), DHHT (X2), MT (X3), PPDH (X4) có sự ảnh hưởng đến động lực học tập của SV do chúng có mức ý nghĩa sig 0,03; 0,000; 0,000, 0,04 đều nhỏ hơn 0,05. Các biến này có tác động cùng chiều vào biến phụ thuộc DLH do có hệ số Beta dương. So sánh mức độ tác động của 4 biến này lên biến DLH chúng ta thấy hệ số  $\beta_{MT}$  lớn hơn hệ số  $\beta_{DHHT}$  và  $\beta_{GV}$  và  $\beta_{PPDH}$ . Do đó, biến MT tác động vào DLH mạnh nhất, tiếp theo đến biến DHHT và biến GV và PPDH. Cả 4 biến quan sát đều có hệ số phóng đại phương sai VIF < 2 không có dấu hiệu xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Phương trình hồi quy:

$$DLH = 0.174GV + 0.323DHHT + 0.364MT + 0.059PPDH + 0.295$$

Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh vẫn giữ nguyên lại 4 nhóm biến độc lập như đề xuất ban đầu.

### 3. Kết luận

Với mục tiêu nghiên cứu ban đầu là xác định các yếu tố tác động đến động lực học tập và đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố, nghiên cứu này đã đưa ra 4 yếu tố tác động đến động lực học tập từ tổng quan lý thuyết và lược khảo các nghiên cứu có liên quan.

Bốn yếu tố đó bao gồm: hành vi của giảng viên, định hướng mục tiêu học tập của SV, môi trường học tập trong lớp học và phương pháp giảng dạy.

Tác giả tiến hành xây dựng biến đo lường cho các biến trong mô hình dựa trên thang đo của các tác giả trong các nghiên cứu trước đó. Cuối cùng, có 30 biến quan sát được sử dụng để đo lường 5 khái niệm bao gồm 4 yếu tố độc lập và 1 yếu tố phụ thuộc. Các thang đo được tiến hành nghiên cứu định tính với mục tiêu khám phá và điều chỉnh thang đo cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Kết quả sau khi thảo luận tác giả thang đo về hành vi giảng viên từ 10 biến đo lường giảm xuống còn 7 biến, các thang đo khác không điều chỉnh về mặt số lượng biến đo lường mà chỉ thay đổi một số từ ngữ cho phù hợp. Bảng câu hỏi được xây dựng từ thang đo được điều chỉnh nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu định lượng. 300 bảng câu hỏi được đưa đến tay các SV Đại học Duy Tân, cuối cùng có 280 bảng câu hỏi hợp lệ. Với mẫu gồm 280 bảng khảo sát là phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố và hồi qui.

Sau quá trình nhập liệu 280 bảng khảo vào SPSS. Nghiên cứu tiến hành đánh đặc điểm mẫu khảo sát, phân tích thống kê mô tả các biến đo lường, sau đó tiến hành kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố EFA.

Tóm lại, trong nghiên cứu, tác giả tìm được 2 yếu tố thực sự tác động lớn đến động lực học tập. Yếu tố đầu tiên là điều kiện học tập và yếu tố thứ 2 là ở bản thân SV, việc các bạn có định hướng mục tiêu học tập rõ ràng sẽ góp phần gia tăng động lực học tập.

**Phương pháp giảng dạy:** Giảng viên là người trực tiếp giao tiếp với SV trong quá trình giảng dạy đại học, họ cũng là người trực tiếp sử dụng những phương pháp giảng dạy cụ thể vì vậy kiến thức sư phạm của giảng viên là rất quan trọng. Vì vậy việc bổ sung nghiệp vụ sư phạm cho các giảng viên không thuộc khối ngành sư phạm là điều đáng quan tâm. Giáo dục đại học hiện đại ngày nay đang dần loại bỏ phương pháp giảng dạy với giảng viên làm trung tâm, giờ đây SV được đặt ở vị trí trung tâm,

### Tài liệu tham khảo

1. Trương Hoàng Hoa Duyên (2023). *Nghiên cứu các yếu tố tác động đến động lực học tập của SV Trường Đại học Duy Tân*. Đà Nẵng
2. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức, (2013). *Lý luận dạy học đại học*. NXBĐHSP. Hà Nội
3. Lê Thị Linh Giang, (2014). *Cấu trúc sự hài lòng của SV đối với hoạt động đào tạo đại học*. Tạp chí Khoa học. Hà Nội